

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 12/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 13h00 * Ngày thi: 20/12/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	27213801662	Đặng Mai	An	12/07/2003	Quảng Nam	31CBN7	5.7	3.3	Không Đạt	
2	28204950432	Đỗ Thị Lan	Anh	06/10/2004	Đắk Lắk	31CBN7	9.7	9.3	Đạt	
3	27202142288	Hồ Mai	Anh	29/09/2003	Đà Nẵng	31CBN7	9.3	6.0	Đạt	
4	28214101119	Nguyễn Đắc Tuấn	Anh	26/01/2004	Thanh Hóa	31CBN8	9.0	3.4	Không Đạt	
5	28206121597	Trần Quế	Anh	10/12/2004	Quảng Ngãi	31CBN8	5.3	5.0	Đạt	
6	28212353875	Huỳnh Ngô Gia	Bảo	24/10/2004	Quảng Nam	31TYC12	10.0	7.5	Đạt	
7	29218144012	Nguyễn Gia	Bảo	03/12/2005	Đà Nẵng	31TYC12	7.0	5.0	Đạt	
8	28218250753	Tạ Quang	Bình	12/07/2003	Quảng Nam	31CBN8	9.0	6.3	Đạt	
9	25207102658	Nguyễn Kim	Chi	15/06/2001	Bình Định	28CBN5	8.7	5.0	Đạt	
10	27206300254	Lê Phạm Chiêu	Đan	01/09/2003	Quảng Ngãi	31CBN8	6.3	3.3	Không Đạt	
11	27212243259	Mai Tấn	Đôn	18/10/2003	Phú Yên	31SSC4	10.0	5.0	Đạt	
12	28216654855	Ngô Nhật Anh	Đức	11/01/2004	Hà Nội	31CBN8	8.0	8.0	Đạt	
13	28215150160	Nguyễn Tấn	Dũng	20/09/2004	Quảng Ngãi	31TYC12	8.7	8.5	Đạt	
14	28204601060	Nguyễn Thùy	Dương	29/11/2004	Quảng Ngãi	31CBN8	0.0	0.0	Không Đạt	
15	28206201279	Tường Thị Ngọc	Dương	09/01/2004	Quảng Nam	31TYC12	9.3	9.5	Đạt	
16	28208153477	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	25/03/2004	Đà Nẵng	31CBN8	9.7	9.5	Đạt	
17	28208103828	Trần Quỳnh	Giang	20/07/2003	Đắk Lắk	31CSC6	8.3	5.3	Đạt	
18	28208101004	Nguyễn Phạm Diệu	Hân	29/07/2004	Đà Nẵng	31CBN8	8.7	5.0	Đạt	
19	28208245578	Trần Kim	Hân	27/01/2004	Đà Nẵng	31CBN8	8.0	8.0	Đạt	
20	28202701662	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	25/07/2004	Bình Định	31TYC12	8.7	7.5	Đạt	
21	28204634390	Nguyễn Thị Thu	Hằng	13/09/2004	Đắk Lắk	31CBN7	0.0	0.0	Không Đạt	
22	28218102568	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	16/10/2004	Quảng Nam	31TYC12	5.3	6.0	Đạt	
23	28204647984	Phan Thị	Hạnh	11/12/2004	Quảng Nam	31TYC12	6.7	8.5	Đạt	
24	28206702069	Mai Thu	Hiền	07/05/2004	Đắk Lắk	31TYC12	7.3	5.0	Đạt	
25	29206739155	Phạm Thị Thu	Hiền	16/03/2005	Quảng Nam	31TYC7	8.7	6.0	Đạt	
26	28206534971	Trần Thu	Hiền	28/06/2003	Quảng Trị	31CSC6	5.7	3.3	Không Đạt	
27	28212336054	Đinh Viết	Hiệu	04/02/2004	Quảng Nam	31TYC12	9.7	4.0	Không Đạt	
28	27204326157	Trần Lê Bích	Hoa	25/03/2003	Đà Nẵng	31TYC12	0.0	0.0	Không Đạt	
29	27215402433	Nguyễn Phước Thái	Hưng	30/01/2003	Huế	31CYC4	8.0	7.3	Đạt	
30	28206105643	Đỗ Quỳnh	Hương	20/02/2004	Quảng Trị	31CHT5	8.3	5.3	Đạt	
31	28206501142	Đoàn Quỳnh	Hương	12/07/2003	Phú Yên	31TYC12	10.0	7.0	Đạt	
32	28212354709	Hồ Vũ Quang	Huy	01/01/2004	Đà Nẵng	31CBN8	9.7	6.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28215201377	Phan Xuân	Huy	09/05/2004	Gia Lai	31TYC12	3.3	7.5	Không Đạt	
34	28208034773	Lê Thị Thanh	Huyền	26/10/2004	Đà Nẵng	31CBN7	9.7	4.3	Không Đạt	
35	28204533472	Nguyễn Thị Thu	Huyền	20/04/2004	Quảng Nam	31CBN7	7.3	4.0	Không Đạt	
36	28214638525	Trần Nguyên	Khang	09/06/2004	Đà Nẵng	31TYC12	4.3	0.0	Không Đạt	
37	28218200370	Nguyễn Lâm Gia	Kiệt	26/07/2004	Quảng Nam	31CBN8	9.7	8.0	Đạt	
38	28206704416	Dương Thị Mỹ	Kiều	21/03/2004	Gia Lai	31TYC12	9.3	6.0	Đạt	
39	28208151714	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	14/05/2004	Quảng Ngãi	31CSC6	8.0	3.5	Không Đạt	
40	28214552364	Lý Võ	Lâm	24/08/2004	Bình Định	31CBN7	8.3	5.5	Đạt	
41	27202201852	Ngô Thị Hoài	Linh	17/09/2003	Quảng Bình	31CBN7	7.3	6.8	Đạt	
42	28205136254	Nguyễn Hà Khánh	Linh	15/04/2004	Gia Lai	31TSC9	10.0	5.0	Đạt	
43	27202244270	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	03/03/2003	Quảng Nam	31TSC7	6.0	5.3	Đạt	
44	28206551507	Nguyễn Thị Phương	Linh	27/01/2004	Phú Yên	31TYC12	10.0	9.5	Đạt	
45	28204802961	Phạm Thị Thu	Loan	08/10/2004	Quảng Nam	31CBN8	0.0	0.0	Không Đạt	
46	28212306398	Trần Đức	Long	16/12/2004	Đắk Lắk	31TSC9	9.7	5.0	Đạt	
47	27202140103	Bùi Thị Kim	Ly	13/11/2003	Quảng Ngãi	30TBN2	5.3	5.0	Đạt	
48	28205106739	Nguyễn Kiều Diễm	My	15/03/2004	Bình Định	31TYC12	8.7	5.0	Đạt	
49	28204533783	Võ An	Na	30/07/2004	Đà Nẵng	31CBN7	7.3	6.5	Đạt	
50	28204322650	Phạm Thị	Nguyên	19/11/2004	Quảng Nam	31CBN8	9.7	6.3	Đạt	
51	28208204821	Trần Hồ Thiên	Nguyen	29/09/2004	Đà Nẵng	31CBN8	10.0	7.8	Đạt	
52	27202237121	Trần Thị Thanh	Nhàn	23/02/2003	Quảng Trị	31TYC12	10.0	10.0	Đạt	
53	28204304168	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	07/02/2004	Bình Định	31SHT5	6.7	3.5	Không Đạt	
54	29206544657	Nguyễn Thị Yến	Nhi	07/09/2005	Quảng Ngãi	31TYC9	8.0	5.0	Đạt	
55	28204641497	Trương Thị Xuân	Nhi	01/01/2004	Quảng Nam	31TYC12	8.7	7.0	Đạt	
56	28208106106	Trần Thị Ý	Như	28/10/2004	Quảng Ngãi	31CSC6	6.0	5.0	Đạt	
57	28208004696	Phạm Thị Mai	Phi	27/10/2003	Quảng Ngãi	31TYC12	9.3	5.8	Đạt	
58	28218143292	Trịnh Kỳ	Phong	28/06/2004	Quảng Nam	31CBN7	8.7	5.3	Đạt	
59	28212549675	Hoàng Minh	Phúc	11/12/2004	Đà Nẵng	31CBN7	9.0	5.0	Đạt	
60	28208141275	Bùi Lê Thảo	Phượng	05/05/2004	Quảng Nam	31TBN11	8.7	5.0	Đạt	
61	28218130469	Đình Gia	Quân	30/11/2004	Đà Nẵng	31THT11	5.7	3.8	Không Đạt	
62	25211101706	Phạm Đăng	Quang	08/12/2001	Quảng Ngãi	30CHT3	6.3	3.3	Không Đạt	
63	28214649543	Hoàng Văn Bảo	Quốc	24/02/2004	Quảng Bình	31CBN7	6.3	6.3	Đạt	
64	28206750962	Lê Thị Lệ	Quyên	28/12/2004	Gia Lai	31TYC12	8.3	6.0	Đạt	
65	27216748935	Nguyễn Thanh	Quyên	22/09/2003	Hồ Chí Minh	31CBN2	7.0	6.0	Đạt	
66	28206548765	Đỗ Nguyễn Trúc	Quỳnh	26/12/2004	Quảng Nam	31TYC12	6.3	6.0	Đạt	
67	28204553545	Ngô Thị Như	Quỳnh	25/10/2004	Quảng Nam	31CBN8	9.0	7.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	28204552465	Nguyễn Phạm Khánh	Quỳnh	26/03/2004	Đà Nẵng	31CBN7	8.7	8.5	Đạt	
69	28204433803	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	22/10/2004	Gia Lai	31TYC12	8.7	5.0	Đạt	
70	28208003696	Phan Nguyễn Minh	Sa	19/08/2004	Đà Nẵng	31CBN8	7.7	6.3	Đạt	
71	28204136446	Nguyễn Nhân	Tâm	22/06/2004	Quảng Nam	31TBN11	7.0	4.3	Không Đạt	
72	28212348065	Nguyễn Nhật	Thành	22/07/2004	Quảng Bình	31TYC12	9.3	6.0	Đạt	
73	28204605802	Trần Thị Mỹ	Thành	08/08/2004	Quảng Nam	31TYC12	8.3	6.0	Đạt	
74	27203349975	Hồ Thị Phương	Thảo	09/09/2003	Đắk Lắk	30SHT6	8.0	3.5	Không Đạt	
75	28208202235	Nguyễn Hà Thu	Thảo	10/06/2004	Đà Nẵng	31CBN8	6.7	5.0	Đạt	
76	28204301329	Nguyễn Thị Phương	Thảo	06/10/2004	Quảng Ngãi	31TYC12	9.7	8.0	Đạt	
77	28206841890	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	11/01/2004	Đà Nẵng	31TYC12	7.0	5.0	Đạt	
78	27211500755	Nguyễn Trường	Thịnh	25/11/2003	Quảng Ngãi	31TBN6	7.7	2.5	Không Đạt	
79	28204749904	Nguyễn Thị Mai	Thương	26/06/2004	Gia Lai	31TYC12	9.7	10.0	Đạt	
80	28208000084	Trần Thị Thu	Thương	26/08/2004	Đà Nẵng	31TYC12	9.3	6.5	Đạt	
81	28204528135	Hoàng Ngọc Thùy	Tiên	28/11/2004	Quảng Trị	31CBN7	9.0	6.8	Đạt	
82	28214553603	Nguyễn Quang	Tiến	12/05/2004	Quảng Nam	31CBN7	9.3	6.0	Đạt	
83	28204504050	Cao Thị Vĩnh Hiền	Trang	14/10/2004	Đà Nẵng	31CBN8	7.7	8.0	Đạt	
84	28204802948	Dương Nguyễn Thùy	Trang	08/03/2004	Vũng Tàu	31CBN7	7.7	5.0	Đạt	
85	27213353508	Trịnh Hương	Trang	16/09/2003	Đắk Lắk	30SHT6	5.3	0.8	Không Đạt	
86	29204556045	Bùi Lê Như	Trúc	30/10/2005	Gia Lai	31TYC12	7.3	5.5	Đạt	
87	28204505373	Lê Phương	Trúc	02/01/2004	Quảng Nam	31CBN8	7.0	8.5	Đạt	
88	27215439556	Lại Minh	Tuấn	22/12/2003	Lâm Đồng	31CYC4	9.7	8.0	Đạt	
89	28206105368	Đặng Nguyễn Ngọc	Uyên	06/12/2004	Đà Nẵng	31CBN7	8.7	5.0	Đạt	
90	28204353465	Nguyễn Phương	Uyên	30/09/2004	Thanh Hóa	31TYC12	7.0	7.5	Đạt	
91	28208100046	Nguyễn Tú	Uyên	05/09/2004	Đà Nẵng	31TSC10	7.0	5.0	Đạt	
92	27204335991	Tôn Nữ Tú	Uyên	19/06/2003	Đắk Lắk	31TYC12	0.0	0.0	Không Đạt	
93	28204600594	Phạm Tường	Vi	10/11/2003	Đà Nẵng	31CBN7	0.0	0.0	Không Đạt	
94	28212135697	Hoàng Dương	Vũ	15/01/2004	Thừa Thiên H	31TYC10	7.3	5.0	Đạt	
95	28204500278	Đinh Ngọc Tường	Vy	23/01/2004	Quảng Nam	31CBN8	9.3	8.5	Đạt	
96	28208027313	Hoàng Thị Bích	Vy	22/01/2004	Đà Nẵng	31TYC12	7.7	8.0	Đạt	
97	27203353106	Nguyễn Thị Thảo	Vy	16/10/2000	Đà Nẵng	31CBN8	9.0	5.0	Đạt	
98	28214600713	Nguyễn Gia	Vỹ	01/04/2002	Kon Tum	31CBN7	0.0	0.0	Không Đạt	
99	27216102079	Trần Đăng	Vỹ	26/05/2003	Quảng Nam	31CBN2	5.0	6.5	Đạt	
100	28208205571	Đàm Vương Nguyệt	Yên	06/01/2004	Đà Nẵng	31CBN8	9.7	9.5	Đạt	
101	28208100741	Nguyễn Đỗ Ngọc	Yến	20/10/2004	Quảng Ngãi	31CBN7	5.3	5.3	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh